

Họ tên học sinh :Lớp: Số báo danh :

Câu 1: Đặc điểm nào sau đây thể hiện mặt hạn chế của nguồn lao động nước ta?

- A. Lao động kỹ thuật cao có xu hướng tăng. B. Thể trạng người lao động được cải thiện.
C. Nguồn lao động đông, giàu kinh nghiệm. D. Lao động tập trung đông ở nông thôn.

Câu 2: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp Huế có ngành nào sau đây?

- A. Đóng tàu. B. Sản xuất ô tô. C. Cơ khí. D. Điện tử.

Câu 3: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành dệt may?

- A. Quy Nhơn. B. Đà Nẵng. C. Quảng Ngãi. D. Nha Trang.

Câu 4: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết tuyến đường biển nào sau đây ngắn nhất?

- A. TP Hồ Chí Minh - Xingapo. B. TP Hồ Chí Minh - Hải Phòng.
C. TP Hồ Chí Minh - Phan Thiết. D. TP Hồ Chí Minh - Hồng Công.

Câu 5: Giải pháp phù hợp nhất để Đồng bằng sông Hồng phát triển nền nông nghiệp hàng hóa là

- A. đẩy mạnh đánh bắt thủy sản xa bờ. B. mở rộng diện tích cây lương thực.
C. phát triển ngành công nghiệp chế biến. D. tận dụng mặt nước để nuôi thủy sản.

Câu 6: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 28 nối Gia Nghĩa với

- A. Phan Thiết. B. Tuy Hòa. C. Phan Rang. D. Nha Trang.

Câu 7: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, thành phố Quy Nhơn thuộc tỉnh

- A. Bình Định. B. Quảng Ngãi. C. Phú Yên. D. Khánh Hòa.

Câu 8: Nhân tố nào sau đây tạo thuận lợi để nước ta đánh bắt thủy sản xa bờ?

- A. Đường bờ biển dài, có nhiều vịnh. B. Đường bờ biển dài, có nhiều bãi triều.
C. Vùng biển rộng, có các ngư trường lớn. D. Nhiều sông ngòi, kênh rạch, ao hồ.

Câu 9: Thế mạnh kinh tế nổi bật nhất ở khu vực Tây Bắc so với khu vực Đông Bắc của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ nước ta là

- A. du lịch. B. thủy điện. C. nghề cá. D. chăn nuôi.

Câu 10: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, khu kinh tế ven biển Vũng Áng thuộc vùng

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
C. Bắc Trung Bộ. D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 11: Yếu tố nào sau đây không thuận lợi cho việc phát triển chăn nuôi gia súc lớn ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ nước ta?

- A. Vùng đồi rộng lớn. B. Khí hậu thích hợp.
C. Nhiều đợt rét đậm. D. Nhiều đồng cỏ.

Câu 12: Quốc lộ nào sau đây tạo thuận lợi cho việc giao lưu kinh tế giữa đồng bằng và miền núi của vùng Bắc Trung Bộ?

- A. Quốc lộ số 9. B. Quốc lộ số 19. C. Quốc lộ số 14. D. Quốc lộ số 24.

Câu 13: Trong phát triển công nghiệp, Đồng bằng sông Hồng có khó khăn nào sau đây?

- A. Đất phù sa màu mỡ.
B. Khí hậu nhiệt đới.
C. Nghèo khoáng sản.
D. Diện tích đất tự nhiên ít.

Câu 14: Đặc điểm nào sau đây phản ánh đúng đặc trưng của nền nông nghiệp hàng hóa ở nước ta?

- A. Mục đích sản xuất là tự cung, tự cấp.
- B. Nhà nông chủ yếu quan tâm đến sản lượng.
- C. Ứng dụng khoa học kỹ thuật còn hạn chế.
- D. Đẩy mạnh thâm canh, chuyên môn hóa.

Câu 15: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết bãi biển Sầm Sơn thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Nghệ An.
- B. Thanh Hóa.
- C. Hà Tĩnh.
- D. Quảng Bình.

Câu 16: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết tỉnh nào sau đây có tỉ trọng giá trị sản xuất thủy sản từ trên 30 % đến 50% trong tổng giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản?

- A. Bắc Giang.
- B. Thái Bình.
- C. Nam Định.
- D. Quảng Ninh.

Câu 17: Tỉ trọng lao động ở khu vực nào sau đây có xu hướng giảm trong cơ cấu sử dụng lao động của nước ta phân theo ngành kinh tế?

- A. Thủy sản.
- B. Xây dựng.
- C. Công nghiệp.
- D. Nông - lâm - ngư.

Câu 18: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có sản lượng lúa lớn nhất?

- A. Nghệ An.
- B. Hà Tĩnh.
- C. Quảng Bình.
- D. Thanh Hóa.

Câu 19: Việc xây dựng các cảng nước sâu ở Duyên hải Nam Trung Bộ chủ yếu dựa vào nhân tố nào sau đây?

- A. Có khí hậu khá ổn định.
- B. Thêm lục địa sâu và rộng.
- C. Nhiều vịnh sâu, kín gió.
- D. Gần ngã tư hàng hải quốc tế.

Câu 20: Vấn đề phát triển bền vững trong công nghiệp ở Đông Nam Bộ cần phải

- A. quy hoạch, xây dựng mới các khu công nghiệp.
- B. đẩy mạnh phát triển công nghiệp khai thác dầu.
- C. bảo vệ môi trường, đảm bảo nguồn năng lượng.
- D. hợp tác với vùng khác nhằm để hút vốn đầu tư.

Câu 21: Cho bảng số liệu:

Giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế của nước ta

(Đơn vị: nghìn tỉ đồng)

Năm	1996	2005	2010	2014
Thành phần kinh tế				
Nhà nước	74,2	249,1	567,1	1080,8
Ngoài Nhà nước	35,7	308,9	1150,9	1987,5
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	39,6	433,1	1245,5	2936,2

(Nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam năm 2016)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tình hình sản xuất công nghiệp nước ta ở giai đoạn trên?

- A. Giá trị của thành phần Có vốn đầu tư nước ngoài tăng chậm nhất.
- B. Giá trị của thành phần kinh tế Nhà nước tăng chậm nhất.
- C. Giá trị của thành phần kinh tế Nhà nước tăng nhanh nhất.
- D. Giá trị của thành phần Ngoài Nhà nước ngoài tăng chậm nhất.

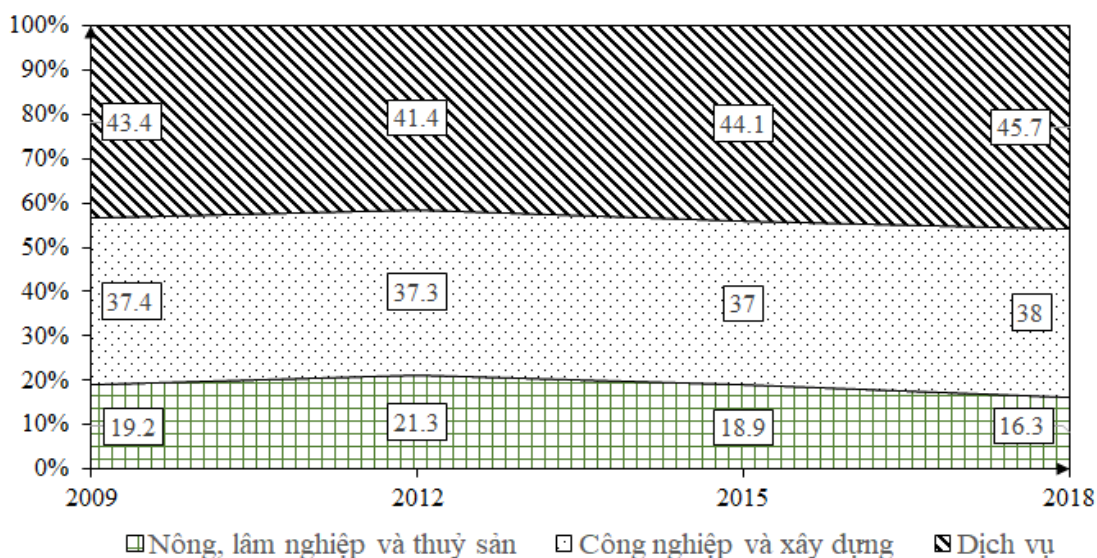
Câu 22: Đặc điểm nổi bật nhất trong hoạt động du lịch biển của Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. đa dạng về loại hình du lịch.
- B. chỉ có du lịch nghỉ dưỡng.
- C. du lịch đảo phát triển mạnh.
- D. có du lịch thể thao dưới nước.

Câu 23: Thuận lợi nhất trong việc phát triển nghề đánh bắt thủy sản ở Bắc Trung Bộ là

- A. gần các ngư trường lớn.
- B. số giờ nắng trong năm cao.
- C. suy giảm nguồn lợi thủy sản.
- D. có nhiều bãi tôm gần bờ.

Câu 24: Cho biểu đồ về GDP của nước ta



(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam năm 2020)

Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô GDP phân theo ngành kinh tế của nước ta, giai đoạn 2009 - 2018.
- B. Cơ cấu GDP phân theo ngành kinh tế của nước ta, giai đoạn 2009 - 2018.
- C. Quy mô và cơ cấu GDP phân theo ngành kinh tế của nước ta, giai đoạn 2009 - 2018.
- D. Quy mô GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2009 - 2018.

Câu 25: Vấn đề phát triển thủy điện ở Tây Nguyên nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

- A. Phát triển du lịch, thủy sản.
- B. Dự trữ nước cho mùa khô.
- C. Tiêu nước cho mùa mưa.
- D. Cung cấp điện cho sản xuất.

Câu 26: Rau ôn đới ở Trung du và miền núi Bắc Bộ chủ yếu được trồng ở

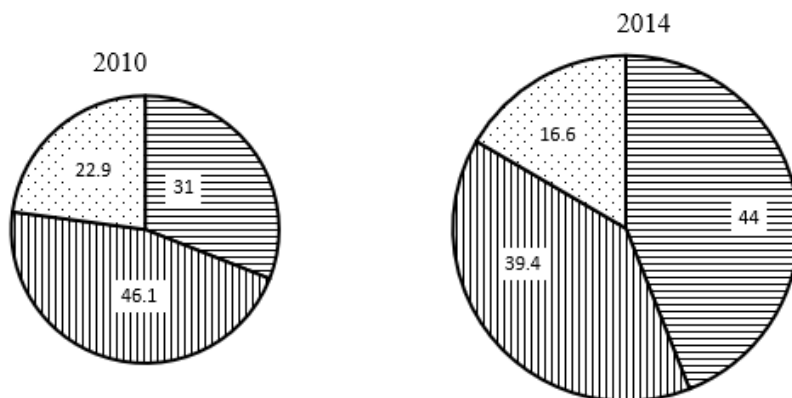
- A. Mộc Châu.
- B. Sa Pa.
- C. Than Uyên.
- D. Mường Thanh.

Câu 27: Điều kiện nào sau đây giúp Tây Nguyên thuận lợi trong việc phơi sấy, bảo quản nông sản?

- A. Có các cao nguyên rộng lớn.
- B. Độ cao địa hình phân bậc.
- C. Gió phơn hoạt động mạnh.
- D. Mùa khô kéo dài 4 - 5 tháng.

Câu 28: Cho biểu đồ:

Cơ cấu giá trị xuất khẩu hàng hóa của nước ta (%)



- ▨ Công nghiệp nặng và khoáng sản
- ▤ Công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp
- ▧ Nông lâm thủy sản và hàng khác

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016)

Căn cứ vào biểu đồ trên, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về thay đổi cơ cấu giá trị xuất khẩu hàng hóa của nước ta năm 2010 và năm 2014?

- A. Tỷ trọng giá trị hàng công nghiệp nặng và khoáng sản giảm.
- B. Tỷ trọng giá trị hàng công nghiệp nặng và khoáng sản tăng.
- C. Tỷ trọng giá trị hàng nông, lâm, thủy sản và hàng khác tăng.
- D. Tỷ trọng giá trị hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp tăng.

Câu 29: Trong thời gian gần đây, cây công nghiệp lâu năm của nước ta phát triển mạnh, chủ yếu do

- A. thị trường tiêu thụ mở rộng.
- B. có nguồn lao động dồi dào.
- C. cơ sở chế biến được đầu tư.
- D. điều kiện tự nhiên thuận lợi.

Câu 30: Địa hình phân hóa theo độ cao ở Tây Nguyên tạo thuận lợi cho việc

- A. phát triển ngành thủy sản.
- B. đa dạng hóa cây trồng.
- C. chuyên môn hóa cây trồng.
- D. canh tác ruộng bậc thang.

----- HẾT -----

Học sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam của Nhà xuất bản Giáo dục phát hành